

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa

Tập 161

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 09.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 186 hàng thứ tư, xem danh hiệu thứ tám trong mười hiệu.

“Thứ tám, Điều Ngự Trượng Phu. Tịnh Ảnh Sớ nói: Giải điều phục chúng sanh, gọi là Điều Ngự Trượng Phu. Hợp Tán nói: Tự mình đã là trượng phu, lại điều phục trượng phu, nên danh hiệu Phật là Điều Ngự Trượng Phu. Nếu đầy đủ bốn pháp, tức gọi là trượng phu. Bốn loại nào. Thứ nhất: Thân cận thiện tri thức. Thứ hai: Có thể nghe pháp. Thứ ba: Tư duy nghĩa. Thứ tư: Như thuyết tu hành”. Chúng ta xem đoạn này, đây là hiệu thứ tám trong mười đức hiệu của Như Lai, xưng là Điều Ngự Trượng Phu. Trong Tịnh Ảnh Sớ nói đơn giản sơ lược hơn.

“Giải điều phục chúng sanh”, điều phục là giáo hóa, sâu sắc hơn ý nghĩa giáo hóa, xuất hiện thành quả giáo hóa. Cũng chính là những chúng sanh được giáo hóa, đều có thể tâm phục khẩu phục, phục nghĩa là như vậy. Cho thấy đây là điều không đơn giản. Đức Phật làm được, pháp thân Bồ Tát cũng làm được. Vì sao các ngài có thể làm được? Trong Hợp Tán nói rất rõ ràng, trong Hợp Tán nói: “Đầy đủ bốn pháp”. Nói như chúng ta bây giờ, là họ đầy đủ bốn điều kiện, nên họ có thể làm được. Giáo dục cần phải thật sự điều phục chúng sanh, giáo dục mới được coi là thành công.

Chúng ta biết tâm người vốn thiện, trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Đức Phật dạy chúng ta tín giải hành chứng, đối với giáo pháp của Phật, trước tiên chúng ta phải kiến lập tín tâm. Sau khi tin rồi phải cầu giải, phải hiểu rõ ràng minh bạch giáo huấn của Phật, sau đó như giáo tu hành. Trong việc tu hành, quan trọng nhất là điều phục vọng tâm, khởi tâm động niệm của chúng ta. Chữ hành này là nói đến hành vi, hành vi có thiện có ác, khởi tâm động niệm. Do ý niệm chỉ huy ngôn ngữ tạo tác của chúng ta, cho nên tu hành phải tu từ đâu? Nếu nói là tu từ trên ngôn hành cũng coi là không tệ, nhưng đó không phải là căn bản, vẫn là tu hành trên phương diện cành lá. Căn bản là khởi tâm động niệm, tu tốt căn bản, cành lá tự nhiên tươi tốt, đây là khẳng định, cũng chính là điều phục viên mãn. Thực tế trong pháp đại thừa nói, khởi tâm động niệm cũng là phiền não, loại phiền não này gọi là căn bản vô minh. Danh từ này rất có ý nghĩa, nên gọi là tư nghĩa, vô minh, minh là thấu hiểu. Vô minh, là hiện tại không thấu suốt, không thấu suốt điều gì? Không hiểu rõ bản thân,

điểm này chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Đặc biệt là dạy học của Phật pháp đại thừa, nó dạy điều gì? Mục tiêu sau cùng là hiểu rõ bản thân, dạy học như vậy là viên mãn.

Bản thân là gì? Máy người có thể nhận thức, máy người có thể nói ra được? Đừng nói phàm phu chúng ta không nói ra được, Phật Bồ Tát trong mười pháp giới cũng không nói ra được, vì sao vậy? Vì không thấu triệt. Dùng thuật ngữ Phật pháp để nói, phá được vô minh sẽ hiểu được, phá được vô minh là người nào? Là đã thành Phật.

Trong nhà Phật thường nói: Phá nhất phẩm vô minh, chứng nhất phần pháp thân, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đó thật sự là thấu triệt, biết được bản thân là như thế nào, hoàn toàn hiểu rõ ràng. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói, đó là Viên giáo sơ trú Bồ Tát trở lên, thật sự rõ ràng minh bạch, đó chính là điều phục viên mãn. Ai điều phục họ? Là Như Lai dạy họ, nên Như Lai gọi là Trượng Phu, Đại Trượng Phu! Tự mình gọi là Trượng Phu, lại có thể điều phục Trượng Phu. Trượng Phu là chỉ mười pháp giới, là thật không phải giả, vì sao vậy? Tất cả chúng sanh vốn là Phật. Trượng Phu là biệt danh của Phật. Là vì họ mê mất tự tánh, mê mà không giác. Tự tánh của họ có mất chăng? Không mất. Chư vị nên nhớ, là mê mất, mê tốt hơn là mất, không phải thật sự mất đi. Chỉ cần họ giác ngộ họ sẽ nhận thức được, nên mê mất không phải là mất thật. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Diễn nhược đạt đa, mê đầu nhận ảnh”, đây chính là nói rõ như thế nào gọi là mê mất, không mất đi, bản thân không biết.

Tôi giảng đoạn kinh văn này, dùng ví dụ hiện nay sẽ dễ hiểu hơn. Thời đại chúng tôi làm học sinh, học tiểu học, học trung học có tiết học quân sự, vì sao vậy? Vì chiến tranh với người Nhật bản, thời kỳ kháng chiến tám năm. Tiểu học lớp năm lớp sáu là học sinh cuối cấp, phải học quân sự, tiếp thu huấn luyện. Học tập quân sự, giáo viên huấn luyện thường cử hành tập hợp khẩn cấp. Vì học sinh lúc đó, thời kỳ chiến tranh vô cùng gian nan, người Nhật bản ném bom khắp nơi. Tôi nhớ lúc học tiểu học, năm lớp bốn bắt đầu ở nội trú trong trường, trường học đều dời về thôn quê, không dám ở thành phố. Học sinh đều nội trú trong trường, cùng sống với thầy giáo, rất tốt! Rất tiện cho việc thầy quản giáo. Nội trú trong trường, quả thật thầy trò như cha con, bạn bè như anh em chị em vậy, trường học là một đại gia đình. Tập hợp khẩn cấp, quy định dành năm phút cho học sinh tiểu học. Năm phút thức dậy, sáng sớm thức dậy, lúc đó quản giáo thổi một hồi còi, phục trang chỉnh tề đến tập hợp ở thao trường. Thường thường phát hiện có người hoảng hốt hỏi bạn bè, mũ tôi đâu không tìm thấy, không đội mũ là không được. Hỏi khắp nơi, các bạn có thấy mũ của tôi đâu không? Các bạn học chỉ vào người này, mũ không phải đang đội trên đầu bạn sao? Sờ lên trên đầu, quả là đang đội trên đầu, mũ có mất chăng? Không mất. Vì mê nên bản thân tưởng là mất, tìm khắp nơi nhưng không thấy. Đây chính là “Diễn nhược đạt đa, mê đầu nhận ảnh”, tình hình giống nhau, nên gọi là mê mất. Không mất đi, chỉ là mê nên không biết, cũng giống như mất đi.

Lục đạo, mười pháp giới đều là tình hình này, tìm lục đạo khắp nơi cũng không tìm thấy. Tuy không tìm tứ thánh pháp giới, biết là có nhưng không hưởng thụ được, vì sao vậy? Họ biết có, là Phật nói với họ có, nhưng họ không cảm nhận được họ có thật. Vì sao vậy? Vì trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, tướng hảo vô lượng trong tự tánh, họ không được thọ dụng. Chư vị nên biết, Phật trong mười pháp giới chưa khai ngộ. Sự khai ngộ này trong nhà Phật thường nói là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Phật Bồ Tát trong mười pháp giới đều không có, ngộ của họ là giải ngộ.

Ngày nay chúng ta đọc kinh nhiều, xem nhiều, trường thời huân tu, “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Tuy chưa khế nhập cảnh giới, nghe giáo huấn của Phật Bồ Tát và chư vị tổ sư đại đức, hiểu được vấn đề này. Không còn nghi hoặc, cũng có thể khẳng định, nhưng bản thân không được thọ dụng. Không được lợi ích là vì công phu tu hành của chúng ta chưa đắc lực. Quý vị xem tín giải, sau đó là hành, hành chưa đắc lực. Hành phải đắc lực mới khai ngộ.

Hành là gì? Mấu chốt tu hành chung của tám vạn bốn ngàn pháp môn, nói cho chư vị biết đó là định, tức là thiền định. Nhà Phật, tất cả hành nhân trong mười phương ba đời, hành nhân nghĩa là người tu hành đệ tử Phật, tu hành chứng quả, không ai lìa được tam học giới định tuệ. Lơ là giới định tuệ, nhiều nhất chỉ được giải ngộ. Giải không có hành, rất nhiều quan niệm ta thường lãnh hội sai lầm. Vì sao vậy? Những sai lầm này, là vì ta không thông qua tu hành, thông qua tu hành sẽ hiểu được. Kệ Khai Kinh nói: Nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa. Nguyên này rất hay!

Không siêng năng tu hành, cũng chính là nói lơ là giới định, tuyệt đại đa số là hiểu sai nghĩa chân thật của Như Lai, hiểu lệch lạc nghĩa chân thật của Như Lai, hiểu lầm nghĩa chân thật của Như Lai, quá nhiều. Hạng người này, xem ra thì giống như người tu hành, tu Bồ Tát đạo, tu Phật đạo, nhưng sau cùng đều đọa vào tam đồ.

Chúng ta thấy pháp sư Từ Vân Quán Đảnh nói về pháp môn niệm Phật, có 100 loại quả báo khác nhau, loại thứ nhất chính là địa ngục a tỳ. Tự cho mình hơn người, như vậy không được. Ngạn ngữ ngày xưa có câu rất hay: “Không nghe lời người đi trước, thiệt thòi ngay trước mắt”. Người đi trước là Phật Bồ Tát, tổ sư đại đức. Quý vị xem, quý vị quan sát tường tận, không có ai không coi trọng giới định tuệ. Coi trọng giới định tuệ, cho thấy họ rất siêng năng học tập giới định tuệ.

Giới trong Phật giáo, giới căn bản là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chúng ta thấy ngũ giới mà thông thường cư sĩ tại gia tu như: Sát đạo dâm vọng; giới Sa Di, giới Tỳ Kheo, giới Bồ Tát của người xuất gia, mới bắt đầu cũng là sát đạo dâm vọng. Sát đạo dâm vọng bắt đầu từ thập thiện cho đến giới Bồ Tát, Bồ Tát đến Đẳng giác Bồ Tát đều phải tuân thủ, từ sơ học phạm phu đến Đẳng giác. Mấy giới này vô cùng quan trọng! Điều này cần thời gian rất dài, không phải chúng ta có thể tưởng tượng được, quá dài. Công đức trì giới của họ, từng bước từng bước nâng cao lên. Chúng ta chỉ có thể lý giải được

nhân thiên, có thể tướng tượng được. Giống như công đức trì giới của pháp thân Bồ Tát, chúng ta không thể tướng tượng được. Vì vậy có thể cảm hóa chư thiên, có thể cảm hóa tứ thánh pháp giới. Đẳng giác Bồ Tát có thể cảm hóa thập địa Bồ Tát. Ở trên là tám gương của chúng ta, là mô phạm của chúng ta, chúng ta phải học theo họ. Mỗi một giới đến minh tâm kiến tánh mới được coi là viên mãn, chưa đến kiến tánh là chưa viên mãn. Nếu cho điểm, chưa đủ 100 điểm, luôn thiếu mấy điểm. Đến minh tâm kiến tánh mới viên mãn, tức là 100 điểm; Đẳng Giác Bồ Tát 99 điểm, thiếu một điểm; thập địa Bồ Tát thiếu hai điểm; cửu địa Bồ Tát thiếu ba điểm. Tôi nói như thế này quý vị sẽ có khái niệm, không được coi thường. Có khái niệm này, mới hiểu ý nghĩa của Điều Ngự, điều phục. Chúng ta mới biết ở đây phải thật sự tinh tấn nỗ lực, biết được bản thân chưa đủ, còn kém xa. Chúng ta nói đến không khởi tâm không động niệm, đúng vậy, không khởi tâm không động niệm quả thật rất đáng nể, là địa vị gì? Là sơ trụ Bồ Tát, trên sơ trụ còn 41 địa vị, sơ trụ là không khởi tâm không động niệm. Nên đây là cực kỳ vi tế, gọi là tế hạnh. Quý vị xem, Bồ Tát có tám vạn bốn ngàn tế hạnh, tám vạn bốn ngàn từ đâu đến? Tất cả đều từ Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo là gốc rễ, như vậy chúng ta không tu sao được! Vì sao không tu tốt Thập Thiện Nghiệp Đạo? Đây là điều chúng ta không thể không suy nghĩ, vấn đề này quá lớn. Tại gia học Phật không tu hành tốt Thập Thiện Nghiệp Đạo, xuất gia học Phật không học thực hành tốt Sa Di Luật Nghi, như vậy là sao? Đó là giả, không phải thật. Trong pháp thế gian mà không nỗ lực tu hành đều không thể thành tựu, huống gì Phật pháp! Phật pháp thuần chân vô vọng, điều đầu tiên là nói với ta về chân thành.

Tu không tốt Thập Thiện Nghiệp Đạo cũng không thể trách người khác, không có ai dạy. Hiện nay trong Phật giáo ai dạy Thập Thiện Nghiệp Đạo? Ở Đài Loan còn có một vài pháp sư, đôi lúc giảng Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, nhưng chỉ nói mà thôi, không có thực hành. Người nghe không y giáo phụng hành, bản thân người giảng cũng không hành trì, quý vị nói như vậy sao được?

Chúng tôi cũng ở trên thế giới này, đi qua rất nhiều nơi, thấy nhiều cũng nghĩ rất nhiều, làm sao để cứu vãn tình hình này? Vì thế liền nghĩ đến cổ nhân, dùng Nho Đạo để hỗ trợ Thập Thiện Nghiệp Đạo, khiến Thập Thiện Nghiệp Đạo có nền móng vững chắc. Chúng ta liền nghĩ đến Đệ Tử Quy của Nho giáo, Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo, mới tìm được ba nền tảng của Nho Thích Đạo. Phải bắt đầu tu từ đây, phải y theo đó mà tu hành. Nếu tinh tấn tu hành, căn bản học Phật sâu dày, trong thuật ngữ Phật giáo gọi là thiện căn sâu dày. Nếu không thực hành không có thiện căn, không có thiện căn nên niềm tin của ta đối với Phật pháp, cổ nhân gọi là: “đạo tâm giống như hạt sương”. Niềm tin không kiên cố, giống như hạt sương buổi sáng, mặt trời vừa xuất hiện thì nó không còn, đạo tâm không còn. Không có niềm tin, lấy đâu ra nguyện! Vì thế không cách nào kháng cự vô số cám dỗ trong xã hội này. Bên trong không chế phục được phiền não, bên ngoài không cách nào chống đỡ nổi sự mê hoặc. Chỉ có cái danh học Phật, không có thực chất học Phật, đây là nguyên nhân Phật pháp suy đồi. Hiện nay

Phật pháp suy yếu đến cùng cực, có chùa trước đây thầy Lý Bình Nam thường nói: “có chùa không có đạo, không thể hưng giáo”, muốn khiến cho Phật giáo hưng khởi, không làm được. Phật giáo hưng khởi cần có người, người tu giới định tuệ chơn chánh có thể phục hưng Phật giáo. Người xa rời giới định tuệ, không nghiên cứu kinh giáo, họ không thể hưng khởi Phật giáo. Vì sao vậy? Vì họ nói được, dạy được, có thể trước tác rất nhiều, nhưng hai chữ Điều Ngự họ không làm được. Đạo lý là như vậy, phải tinh tấn tu hành. Người phát tâm tu hành không nhiều, rất ít thấy. Nhưng Trung quốc có 13 ức nhân khẩu, tìm 300, 500 người tu hành chơn chánh, tôi tin rằng không khó. Tìm trong số người đó, tìm người thật sự phát đại tâm, thật sự buông bỏ cái ta.

Tôi học Phật, có nhân duyên thân cận đại sư Chương Gia, đại sư dạy tôi rất đơn giản: “nhìn thấu, buông bỏ”. Nhìn thấu là gì? Thấy rõ ràng, thấy minh bạch. Rõ ràng minh bạch chân tướng, chân tướng là gì? Đức Phật thường nói, bản thân chúng ta cũng biết nói, biết nói cũng vô dụng. Đức Phật nói với chúng ta: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, chúng ta ở trong hư vọng này như thế nào? Coi nó là thật, không cảm thấy nó là hư vọng, coi nó là thật hơn người khác, như vậy thì hết cách. Quý vị chưa nhìn thấu, nên không buông bỏ được, đại sư dạy cho tôi như vậy. Vì sao không buông bỏ được? Vì họ chưa nhìn thấu. Vì sao chưa nhìn thấu? Vì họ không buông bỏ được, rắc rối là đây, cửa ải đầu tiên! Bí quyết tu học Phật pháp là bốn chữ này, nhìn thấu giúp buông bỏ, buông bỏ giúp nhìn thấu. Từ sơ phát tâm đến Như Lai địa, giống như hiện nay chúng ta đi cầu thang, đi lên từng bậc một, như vậy mới có thể đến đích được. Bước đầu tiên là khó nhất, qua khỏi bước đầu tiên, về sau sẽ rất dễ dàng.

Chúng ta bây giờ đã đến được bước thứ nhất chăng? Chưa, vì sao vậy? Vì khi đến được bước đầu tiên, chính là Tu đà hòa của tiểu thừa, trong đại thừa là Bồ Tát sơ tín vị. 51 địa vị của Bồ Tát, thập tín là tiểu học, sơ tín là lớp một tiểu học, quý vị là đệ tử Phật chơn chánh. Ở trên địa vị này, danh từ Phật giáo gọi là tiểu thánh, tiểu thánh trong tiểu thánh. Thập tín là tiểu thánh, quý vị là sơ tín, thấp nhất trong thập tín vị, tiểu tiểu thánh. Tiểu tiểu thánh đã là rất tuyệt vời rồi, họ không phải phàm phu, vì sao vậy? Vì họ thật sự nhìn thấy, đã nhìn thấu. Biết được tất cả cảnh giới trong thế gian này đều là giả, không phải thật. Nhìn thấu, nên không còn chấp trước thân này là ta. Tiểu tiểu thánh đã vô ngã, mấy ai làm được điều này? Vô ngã sẽ không đối lập với người, buông bỏ thân kiến, buông bỏ biên kiến. Biên kiến nghĩa là khái niệm của đối lập, đều không đối lập với hết thấy người sự vật. Tiểu tiểu thánh có thể làm được, đã buông bỏ thành kiến. Thành kiến là gì? Tự cho mình thông minh.

Bất luận là thật hay là giả, là thiện hay là ác, là tà hay là chánh đều không quan tâm, không còn kiên trì. Phàm phu rất kiên trì, giữ chặt lập trường của mình, tư tưởng của mình, cách làm của mình. Bồ Tát sơ tín đã buông bỏ sự chấp chặt này, buông bỏ điều này có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, họ mới có thể làm được. Vì sao buông bỏ được? Vì nó là giả không phải thật. Thiện, thiện đồng nghĩa với con số

không, phàm những gì có tướng đều là hư vọng! Ác, ác cũng coi như không. Hay nói cách khác, chúng ta dùng điều này mọi người dễ hiểu, tất cả đều trở về con số không, đây là Bồ Tát sơ tín vị. Bởi thế tất cả những quan niệm bất chánh đều không có, đây là Bồ Tát sơ tín vị.

Mặc dù họ chưa ra khỏi lục đạo, lục đạo phải đoạn tận kiến tư phiền não, họ chưa đoạn được. Họ chỉ đoạn kiến phiền não, chưa đoạn tư phiền não, nhất phẩm đều chưa đoạn, nhưng tuyệt đối không đọa ba đường ác. Đồng nghĩa họ có được sự bảo chứng, bảy lần lui tới cõi trời cõi người, bảy lần đến và đi họ liền vượt khỏi luân hồi lục đạo, chúng quả A la hán. Nếu chúng ta so sánh họ với tiểu thừa càng rõ ràng hơn, sơ quả đồng nghĩa sơ tín. Nhị tín là nhị quả hướng, tam tín là nhị quả. Tứ tín vị là tam quả hướng, ngũ tín vị là tam quả. Lục tín vị là tứ quả hướng, thất tín A la hán là tứ quả, bát tín là Bích Chi Phật, cửu tín là Bồ Tát, thập tín là Phật, đây là Phật trong mười pháp giới. Lên cao thêm nữa là minh tâm kiến tánh, lên cao nữa là phá được vô minh. Cũng nghĩa là nói, sáu căn trong cảnh giới lục trần, thật sự làm được không khởi tâm không động niệm. Không khởi tâm không động niệm là đã buông bỏ vọng tâm, khởi tâm động niệm là A lại da. Không khởi tâm không động niệm chuyển được A lại da, chuyển thành đại viên cảnh trí. Chuyển được A lại da tức là minh tâm kiến tánh, đó chính là sơ trụ Bồ Tát. Thiền tông gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Giáo môn gọi là đại khai viên giải, trong pháp môn niệm Phật gọi là lý nhất tâm bất loạn. Danh từ không giống nhau, nhưng cảnh giới tương đồng, cùng một vấn đề, nghĩa là đã thành Phật. Thập pháp giới không còn, lúc này họ hiện ra cảnh giới gì? Là cõi thật báo trang nghiêm.

Nói cho chư vị biết, khắp nơi đều là cõi thật báo trang nghiêm, một hiện tất cả đều hiện. Tuyệt đối không phải nói, ở đây là cõi thật báo trang nghiêm, ở đó không phải, một hiện tất cả đều hiện. Chúng ta có cảm họ liền có ứng, chúng sanh lục đạo cảm, họ liền ứng đến lục đạo, vậy phải chăng họ lại trôi lăn trong luân hồi lục đạo? Không phải, họ vẫn ở trong cõi thật báo trang nghiêm, họ biết lục đạo cũng là cõi thật báo, tam đồ cũng là cõi thật báo, quá tuyệt diệu! Họ ở trong cõi thật báo, nhưng có nghiệp lục đạo, họ thấy là lục đạo. Có nghiệp tam đồ, họ thấy là tam đồ, là huyễn tướng, không phải thật.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói xuất sanh vô tận, tùy điều gì để sanh ra? Tùy theo ý niệm của mình mà sanh ra, nên ta cần phải hiểu chân tướng sự thật. Quý vị có thể trách người chẳng? Nếu trách người khác là tạo tội nghiệp, đều là tự làm tự chịu, không liên quan đến ai cả. Không liên quan đến Chư Phật Bồ Tát, không liên quan đến thượng đế, không liên quan đến thần, cũng không liên quan đến vua Diêm la. Tất cả cảnh giới đều do ý niệm mình biến hiện ra. Nên Đức Phật nói cho chúng ta biết về quá trình thứ tự của việc tu hành, biến hiện ra cảnh giới không giống nhau.

Câu nói xuất sanh vô tận đã thức tỉnh chúng ta, quý vị xem ý niệm quan trọng biết bao, tuyệt đối không được có vọng niệm. Niệm niệm phải tương ứng với tánh đức, tánh đức là gì? Là trí tuệ, đạo đức, luân lý, nhân quả, đây là tánh đức. Các bậc thánh hiền nói: Hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình, là tánh đức. Đức Phật nói cho chúng ta về Thập Thiện, Ngũ giới, Lục ba la mật, Phổ Hiền thập nguyện là tánh đức. Chỉ cần ta quay đầu, khởi tâm động niệm nhất định tương ứng với tánh đức. Khởi tâm động niệm này là tự tánh sanh ra, pháp vốn như vậy. Có khái niệm của chính mình chăng? Không có, giống như là tự nhiên. Nó phát sanh như thế nào? Chúng sanh có cảm, bản thân liền ứng. Chúng sanh cảm có tâm, cũng có vô tâm. Vô tâm cũng có thể cảm, minh cảm. Phật Bồ Tát ứng, bất luận là hiển ứng hay minh ứng, đều không có khởi tâm động niệm, pháp nhĩ như thị, pháp vốn chính là như vậy, nên pháp được gọi là pháp vi diệu.

Đây là điều chúng ta cần phải học tập, sau khi học phải hành, như vậy mới được. Nghĩa là nói, nhất định phải thực hành trong đời sống hằng ngày, nó sẽ khởi tác dụng. Tác dụng này mang đến cho ta pháp hỷ sung mãn, bất luận gặp phải vấn đề gì đều giải quyết dễ dàng, không cần suy nghĩ. Đây là gì? Là tâm thanh tịnh khởi tác dụng, người thường không làm được, vì sao vậy? Họ quá nhiều tạp niệm, tâm không thanh tịnh. Họ phải suy nghĩ, tư duy, vấn đề hiện tiền họ phải tư duy. Trong tư duy sinh ra rất nhiều sai lầm, đây là gì? Là trí thức. Chúng ta thường nói, trí thức không thể giải quyết vấn đề, vì sao vậy? Vì trí thức là vọng tưởng. Trí tuệ có thể giải quyết vấn đề, trong trí tuệ không có vọng tưởng, tâm thanh tịnh sanh ra trí tuệ.

Chúng ta học tập cũng rất phiền phức, nếu ta học tập mà không biết cương yếu của học tập, không biết bí quyết học tập, sẽ trở thành trí thức. Bí quyết này là gì? Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta: Chúng ta xem sách đừng chấp trước tướng văn tự, không chấp trước tướng danh tự, danh từ thuật ngữ. Điều này thực tế mà nói là nên như vậy, nhưng quan trọng nhất là câu thứ ba. Câu thứ ba là ấn tượng của ta rơi vào trong A lại da, điều này rất phiền phức. Như vậy biến thành gì? Trở thành sở tri chướng, gọi là tướng tâm duyên. Quý vị xem có tướng tâm duyên, tâm thanh tịnh không còn. Quý vị phải biết rằng, chấp trước ngôn thuyết và danh tự, tâm bị ô nhiễm. Danh tướng, tâm cũng bị ô nhiễm, nhiễm không nghiêm trọng. Ô nhiễm nghiêm trọng nhất chính là ý thức, tướng tâm duyên, tâm chúng ta phan duyên tướng này. Nghĩa là gì? Bản thân chúng ta hiểu được tư tưởng gì, ta nhận ra đây là ý gì. Chúng ta không biết kinh này không có ý nghĩa, sao ta lại thấy có ý nghĩa? Đức Phật là từ không có ý nói ra, sao ta đọc rồi lại có ý? Ý đó không phải ý của Phật, là ý của chính mình, đây là điểm khó nhất của Phật pháp. Không được dùng tướng tâm duyên. Vậy chúng ta có cần ngày ngày xem kinh chăng? Cần, chúng ta ngày ngày xem kinh, ngày ngày tụng kinh, ngày ngày nghe giảng kinh, có biết chăng? Quan hệ ở cái biết này. Khi biết, chúng ta ở đây là tu thiên định, tu tâm thanh tịnh, tu gì? Tu không chấp tướng. Nghe kinh không chấp trước tướng ngôn thuyết, không chấp trước tướng danh tự, không chấp trước tướng tâm duyên, chúng ta ở đây

nghe kinh. Nghe như vậy thì sao? Nghe như vậy trí tuệ hiện tiền. Kinh của Phật, ngôn ngữ của Phật, khiến trí tuệ bát nhã trong tự tánh của chúng ta xuất hiện. Nếu chúng ta chấp tướng, trí tuệ liền bị chướng ngại. Chướng ngại này gọi là sở tri chướng, tham sân si mạn là phiền não chướng, đây là hai chướng.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biểu diễn cho chúng ta thấy, 19 tuổi ngài ra đi tham học, học suốt 12 năm, sau cùng như thế nào? Buông bỏ triệt để, ngài mới có thể nhập định, mới có thể đại triệt đại ngộ, dụng ý này rất sâu! Có cần học chăng? Cần học, nhưng phải biết cách học. Phải trong lúc học tập người phương đông nói, Phật pháp nói, về sau Nho và Đạo giáo đều nói, Ngộ tánh! Trong học tập, làm sao để khiến ngộ tánh phát khởi ra, một nghe ngàn ngộ, nghe một biết mười. Đó là trí tuệ, như vậy mới hữu dụng. Vì thế dạy học, người xưa dạy học và bây giờ dạy học hoàn toàn không giống nhau. Người bây giờ dạy học rất máy móc, hoàn toàn chấp tướng. Ngày xưa thầy giáo rất cao siêu, họ phản đối, không dùng phương pháp này.

Tôi ở Đài Trung theo học kinh điển với thầy Lý mười năm, thầy không cho chép bài. Chỗ tôi ngồi nghe giảng kinh ở hàng thứ nhất, đối diện với thầy, thầy sắp xếp như vậy, dạy tôi chuyên tâm lắng nghe. Những gì hay phải ghi chép lại vì sợ quên! Không cần thiết, trong tự tánh ta có, trong lúc nghe kinh tu tâm thanh tịnh. Quý vị xem, kinh giáo đã khắc sâu ấn tượng cho chúng ta. Trong tự tánh chúng ta có Kinh, Kinh Vô Lượng Thọ, trong tự tánh ta có Kinh Vô Lượng Thọ, không có gì khác biệt với Vô Lượng Thọ Phật. Quý vị có tin trong kinh nói: Tâm tôi tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi? Nếu như tin, ta không cần chấp trước, thật sự buông bỏ. Buông bỏ, trí tuệ liền hiện tiền, không buông bỏ là tri thức, những gì ta có được toàn là tri thức.

Tri thức có giới hạn, nơi cất giữ sách của ta không lớn, không còn chỗ để. Trí tuệ là vô tận, để hoài không hết. Mà không phải bên ngoài vào, nó sẵn có trong tự tánh chúng ta. Điều này rất quan trọng. Bởi vậy làm sao để khiến đức năng, trí tuệ trong tự tánh chúng ta hiển lộ ra? Như vậy ta nhất định phải nương vào giới để được định, nhân định phát tuệ, phải đi theo con đường này.

Phải chăng đọc kinh là tu hành? Đúng vậy, nhưng ta phải biết. Nghe kinh phải chăng là tu hành? Đúng vậy, hoàn toàn ở chỗ ta biết hay không. Người biết sẽ như thế nào? Lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp, người không biết thì chấp tướng. Người biết rất ít, người không biết rất nhiều.

Chúng ta phải rèn luyện từ từ, rèn luyện từ đâu? Chính là từ buông bỏ. Nỗ lực học tập lại không chấp tướng, như vậy là như pháp. Nếu thật sự buông bỏ tất cả, cũng không học, như vậy thì không có việc gì thành tựu, vì sao vậy? Vì ta chưa thật buông bỏ, buông bỏ thật liền khai ngộ. Vậy sao không phải học thật, tôi thật sự buông bỏ? Ta buông bỏ

mà chưa buông bỏ, trong tâm ta còn có tôi đã buông bỏ tất cả, như vậy là chưa buông bỏ. Buông bỏ điều này mới có thể khai ngộ, nhưng ta vẫn còn!

Người ở trời Tứ không là những người như vậy, tôi đã buông bỏ tất cả, vạn pháp giai không, không còn gì hết. Kết quả thì sao? Quả báo của họ là trời Vô tướng trong tứ không thiên. Họ ở trong đó, nhưng không nghĩ gì cả, vì sao họ không ra khỏi đó được? Vì họ có vô tướng, chưa buông bỏ được. Tôi không nghĩ gì cả, quý vị xem, chưa buông bỏ ý niệm này. Ý niệm này biến thành Trời vô tướng, họ chịu quả báo này. Vô tướng cũng phải buông bỏ, mới thanh tịnh. Điều này rất khó, vô cùng khó khăn!

Trong pháp đại thừa nói: Không lập nhị biên, không giữ trung đạo. Không lập nhị biên nghĩa là trung đạo, ta chấp trước trung đạo, vẫn chưa buông bỏ. Vì thế phàm phu không phải chấp trước có cũng là chấp trước không, không chấp trước nhị biên lại xuất hiện trung đạo, không buông bỏ được. Buông bỏ là thật sự được đại tự tại, vô cùng linh hoạt, không có bất kỳ chướng ngại nào. Từ chỗ này cũng có thể lãnh hội được, ta có chướng ngại chăng? Có chướng ngại, có chướng ngại tức là chưa buông bỏ, buông bỏ rồi thì làm gì có chướng ngại! Từ đó cho thấy, giới định tuệ quan trọng biết chừng nào. Chúng ta muốn giúp người khác, trước tiên phải thành tựu chính mình. Đức Phật là như vậy, chính mình trượng phu, bản thân có thể điều ngự chính mình, mới có thể giúp người khác. Điều là đối với tâm mà nói, khởi tâm động niệm, là nói về điều này. Ta có thể điều khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Ngự là từ trên hành vi mà nói, ta có thể khống chế được ngôn ngữ tạo tác, không bị bên ngoài làm ảnh hưởng.

Bên dưới nói, đây là đầy đủ tứ chủng pháp: “Nếu đầy đủ bốn pháp, tức gọi là Trượng Phu”. Pháp thứ nhất trong bốn pháp: “Thân cận thiện tri thức”, rất quan trọng, thân cận thiện tri thức. Ngày nay thiện tri thức ở đâu? Thật ra tất cả pháp đều là thiện tri thức, chỉ là chúng ta không biết. Pháp nào không phải thiện tri thức? Vấn đề là chỉ cần ta có thiện, ta mới biết tri thức. Bản thân ta không có chữ thiện này, thì không còn cách nào khác. Chúng ta vẫn là phàm phu, trở lại vị trí phàm phu.

Trong Đệ Tử Quy dạy chúng ta thân cận nhân giả, trong Phật pháp gọi là thiện tri thức. Người nhân từ, người có đức hạnh, người có học vấn, thân cận họ, học tập theo họ. Trong hoàn cảnh hiện nay, không tìm thấy thiện tri thức, phải làm sao? Trước tác của chư thiện tri thức vẫn lưu lại thế gian, chúng ta tìm trước tác của họ là được. Nhưng hàng sơ học chúng ta, sơ học phải tìm một vị thiện tri thức, không được quá nhiều. Quá nhiều sinh ra phiền phức, khiến chúng ta thêm loạn, chỉ cần một người.

Trước đây thầy Lý dạy tôi, ban đầu thầy dạy tôi theo thầy, cho tôi ba điều kiện. Tôi đến Đài Trung tìm thầy, nói rõ tôi rất muốn học với thầy, làm học trò của thầy. Thầy ra cho tôi ba điều kiện, điều kiện thứ nhất, lúc đó tôi đã học Phật, học được mấy năm. Hình như tôi học Phật năm 26 tuổi, tôi đến thân cận thầy vào năm 30 tuổi, được năm năm. 30 tuổi, theo học với thầy năm 30 tuổi. Thầy nói sở học trước đây của anh, bắt

luận học với ai, bao gồm học với thầy Phương và đại sư Chương Gia, tôi đều không thừa nhận, thầy nói với tôi thầy không thừa nhận. Anh đến đây học cũng được, nhưng tất cả phải học lại từ đầu, trước đó không tính, đây là điều kiện thứ nhất.

Điều thứ hai: Anh đến đây học, chỉ được nghe mình tôi giảng kinh dạy học, chỉ nghe một người thầy. Ngoài ra bắt luận là đại đức xuất gia hay tại gia giảng kinh, anh đều không được nghe, không cho phép.

Điều thứ ba: Bắt đầu từ hôm nay, những sách vở anh xem, bắt luận là kinh sách hay sách thông thường khác, chưa được tôi đồng ý đều không được xem.

Tôi nghe nói như vậy cảm thấy ông thầy này quá ngang tàng, giống như trong mắt không có ai, vì sao lại hạn chế nghiêm khắc như vậy? Không để ta nghe, đồng nghĩa là nhém tai ta lại. Không cho ta xem, nghĩa là đã bịt mắt ta lại, chỉ nghe một theo mình ông. Lúc đó tôi nghe như vậy, trầm mặc khoảng năm phút mới đồng ý, tôi suy nghĩ một chút liền tiếp thu. Lúc này thầy mới nhận tôi làm học trò, sau đó thầy nói với tôi: Điều kiện này không phải là vô thời hạn, chỉ cần năm năm. Trong năm năm phải tuân thủ, không phải là vô thời hạn, chỉ năm năm. Sau khi đồng ý, khoảng được ba tháng là có hiệu quả, đầu óc rõ ràng hơn. Vì sao vậy? Vì ba tháng không xem những điều linh tinh, tâm được định tĩnh, chỉ theo một vị thầy. Khoảng mười năm sau tôi mới hiểu, đây chính là xưa nay gọi là truyền thừa. Thầy giáo nhắm trúng quý vị, muốn dạy quý vị, nếu như ta nghe nhiều thứ quá, thầy không thể dạy được, quý vị quá nhiều tạp loạn. Xem nhiều thứ quá cũng không được, dù sao chúng tôi cũng lớn tuổi. Khi tôi theo thầy học đã 30 tuổi, theo thầy Phương học là 26 tuổi, nên mới hạn chế như vậy. Nửa năm sau, hiệu quả rất thù thắng, tâm địa thanh tịnh, hình như có chút trí tuệ, có thể nghe hiểu những gì thầy nói, xem sách cũng hiểu được. Thời gian năm năm đã hết, tôi thưa với thầy: Thầy ơi, phương pháp này, em muốn tiếp tục thêm năm năm nữa, thầy nghe vậy mỉm cười. Tôi giữ phương pháp này mười năm. Đây là gì? Thật ra đây nghĩa là nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, nếu không có niềm tin đối với thầy là không được, quý vị không trụ lâu được ở đó.

Về sau tôi phản tỉnh lại, trước đây theo học với thầy Phương cũng như vậy, tuy không nói ra. Tôi vốn là muốn đến trường dự thỉnh tiết học của thầy, thầy không cho tôi đi. Thầy nói trường học hiện nay, thầy không ra thầy, trò không ra trò, 60 năm trước! Thầy nói nếu anh đến trường học sẽ rất thất vọng, thầy đồng ý dạy tôi ở nhà thầy vào chủ nhật hàng tuần, dạy cho tôi hai tiếng, một tiết học. Học trên chiếc bàn tròn nhỏ trong phòng khách nhà thầy, hai người chúng tôi ngồi đối diện nhau, chương trình tôi học là như vậy. Tôi với thầy chưa từng quen biết, không có mối quan hệ nào. Tôi là mộ danh thầy nên tự viết thư giới thiệu mình, khi gặp mặt nói đến sau cùng kết luận, là chủ nhật hàng tuần dạy hai tiếng tại tư gia. Về sau quen với đại sư Chương Gia, đại sư rất quan tâm, rất từ bi, cũng dạy cho tôi một tuần hai tiếng. Nếu tôi làm biếng không đến, đại sư

bảo thị giả gọi điện cho tôi, hỏi tôi tại sao không đến, có phải bệnh rồi chẳng? Đại sư quan tâm như vậy, không đi cảm thấy ngại, thầy quá quan tâm. Thầy Lý là nói ra điều kiện, còn thầy Phương và đại sư không nói ra. Đây là thân cận thiện tri thức.

Trong quá trình dạy học thầy Lý nói, thầy nói_Thầy rất khiêm tốn: Tôi chỉ dạy anh năm năm, năm năm sau thì sao? Tôi giới thiệu thầy giáo khác cho anh, là ai? Thầy của thầy, là đại sư Ấn Quang. Đại sư đã viên tịch, nhưng trước tác của ngài vẫn còn. Thầy giới thiệu cho tôi bốn cuốn sách, lúc đó Đài Loan chỉ có một bộ này: Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Chính biên hai cuốn thượng hạ, tục biên hai cuốn thượng hạ, bốn cuốn. Thầy giới thiệu và bảo tôi nghiên cứu bộ sách này, y giáo phụng hành, như vậy chính là đệ tử của đại sư Ấn Quang. Thầy nói với tôi, đây là một vị thiện tri thức lớn thời đương đại, thầy học pháp môn Tịnh độ với đại sư Ấn Quang. Nên sự truyền thừa của chúng tôi là từ đại sư Ấn Quang. Bây giờ toàn tập của đại sư Ấn Quang đã xuất bản, hình như là bảy cuốn bìa cứng. Thân cận thiện tri thức rất quan trọng!

Thứ hai: “Có thể nghe pháp”. Câu này hình như rất đơn giản, thật ra không đơn giản đâu. Thật sự có thể nghe pháp sao? Bây giờ chúng ta thấy một trường hợp, là bà Lưu Tố Vân, bà có thể nghe pháp. Quý vị xem, một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, bà chỉ chuyên nghe một bộ, không nghe bộ thứ hai. Mỗi ngày nghe một CD, một CD thời lượng một tiếng, nghe lặp đi lặp lại mười lần CD này. Nghĩa là mỗi ngày bà nghe 10 tiếng, mười tiếng là một đĩa CD nghe mười lần, quả đúng gọi là trường thời huân tu! Lúc đó tôi giảng Kinh Vô Lượng Thọ ở Singapore, thời gian hình như là năm 1998, giảng xong trong vòng một tháng. Mỗi ngày hai tiếng, một tháng giảng xong, 60 tiếng đồng hồ, nhanh chóng lưu thông đến Trung quốc. 60 ngày, nghe hết một bộ kinh, đều là mỗi ngày nghe mười tiếng, nghe xong nghe lại từ đầu, vẫn là mỗi ngày một CD, 10 tiếng đồng hồ, nghe suốt mười năm. Đây gọi là có thể nghe pháp! Mười năm này, chúng ta không biết công phu của bà, nhưng có thể lãnh hội được bà đạt được tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh trí tuệ. Tôi chỉ nghe bà trả lời câu hỏi trên CD, tính chúng ba bốn trăm người đặt câu hỏi, thời gian giải đáp hai ba tiếng. Bà trả lời rất viên mãn, đó là trí tuệ, trí tuệ biện tài, đó không phải là điều đơn giản. Nghe kinh phải nghe như thế, đọc kinh cũng giống như vậy. Đọc kinh đồng nghĩa là nghe theo cổ nhân, những gì cổ nhân nói trong sách. Khi nghe hiểu được ý nghĩa, muốn không nghe cũng không thể, đây là pháp vị! Cổ nhân nói: thế vị gian sao đậm bằng pháp vị! Quý vị vừa tiếp xúc, bất luận là nghe hay xem, khi tâm hoan hỷ hiện tiền không muốn nghe cũng không được.

Hồ Tiểu Lâm báo cáo, ông ta nói hiện nay ông ta đọc kinh mỗi ngày 12 tiếng, quên hết, đến ăn cơm uống nước, đi nhà vệ sinh cũng quên. Chuyên chú, pháp hỷ sung mãn! Ông nói với chúng tôi, mỗi ngày ông bắt đầu tụng kinh vào 8h30 sáng, đến 8h30 tối, 12 tiếng. Ông đã thực hành được câu nói này, câu trước cũng làm được, hai câu.

“Tư duy nghĩa”, tư duy này không phải là tướng tâm duyên, vừa nghe lập tức hiểu nghĩa, vừa xem đã hiểu, đây gọi là tư duy nghĩa.

Câu sau cùng rất quan trọng: “Nhu thuyết tu hành”, đem những gì mình hiểu, mình bạch thực hành trong cuộc sống hằng ngày, cuộc sống sẽ hạnh phúc mỹ mãn. Thực hành trong công việc, công việc ta làm rất an vui, nhẹ nhàng thuận lợi. Thực hành trong đời sống hằng ngày như đối nhân xử sự tiếp vật, chần chẫn ta thực hành được thành kính khiêm hòa, đúng là một cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn. Pháp Nho giáo của thế gian đều có thể đạt được, những gì ta thể hiện ra, nghĩa là nói những đức mục của thánh hiền, ta đều biểu hiện ra, đều làm được. Hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình, huân tu thời gian dài sẽ thành công. Đây gọi là Trượng Phu, là tiêu chuẩn của Trượng Phu.

“Hội Sớ lại nói: Đây đủ lực dụng của Đại Trượng Phu”. Đại Trượng Phu là pháp thân Bồ Tát, cũng chính là lời người xưa nói: minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, Nho giáo gọi là thánh nhân. Trượng phu là hiền nhân, thêm vào chữ đại là thánh nhân. Trong Phật pháp thêm vào chữ đại là Phật, không có đại là Bồ Tát.

Lực dụng của Đại Trượng Phu. “Lực là thập lực, tứ vô sở úy, mà nói chung chung các pháp, điều phục chế ngự tất cả chúng sanh, khiến lìa cấu nhiễm, được đại niết bàn”. Họ có năng lực này, đây là một chữ điều một chữ ngự. Họ giảng kinh thuyết pháp, nói những đạo lý này, khi ta nghe xong có thể tin, có thể hiểu, pháp hỷ sung mãn, đây là họ dạy học. Sau khi thấu triệt, trong cuộc sống hằng ngày, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tự nhiên không trái tánh đức. Đây là ngự, nghĩa là ta có thể khống chế, ta có thể kiểm soát bản thân mình. Đây không phải nói người khác, mà là kiểm soát hành vi của chính mình, không để vượt ra ngoài phạm vi quỹ đạo.

Nếu dùng tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán để nói, điều nghĩa là tùy duyên diệu dụng, ngự là làm điển hình cho tất cả chúng sanh. Dùng hành vi làm phép tắc cho thế gian, hoặc là dùng hành vi làm điển phạm cho thế gian, đều có thể làm gương tốt cho người thế gian. Thế gian này là mười pháp giới, không những là lục đạo, còn làm gương cho tứ thánh pháp giới. Đây là lực dụng dạy học của Đức Phật. Tất cả chúng sanh trong này là chỉ mười pháp giới.

“Khiến xa lìa cấu nhiễm”, hai chữ phiền não là đại danh từ của phiền não. Cấu là phiền não chướng, nhiễm là sở tri chướng. Quý vị biết quá nhiều thứ cũng tạo thành chướng ngại, những thứ này bây giờ gọi là tri thức. Quý vị xem trong Phật pháp nói “chuyển thức thành trí”. Phàm phu là biến trí thành thức, trí biến thành thức chính là phàm phu, thức quy nguyên thành trí tuệ liền khai ngộ.

Trong lục đạo đích thực trí tuệ hoàn toàn biến thành tri thức, biến thành phiền não. Trong Phật pháp nói: chuyển phiền não thành bồ đề. Cho thấy phiền não và trí tuệ là

một không phải hai, chỉ là mê và ngộ khác nhau. Giác ngộ, phiền não tức là trí tuệ, mê trí tuệ liền trở thành phiền não. Khi mê trí tuệ biến thành tri thức, khi giác ngộ tri thức liền trở thành trí tuệ, không giống nhau, mê ngộ bất đồng! Đây là muốn Phật Bồ Tát giúp chúng ta giác ngộ.

Phiền não chướng không còn, sở tri chướng không còn, ta được đại niết bàn. Đại niết bàn tức là chân như tự tánh, trở về tự tánh. Trong Tịnh độ gọi là trở về thường tịch quang, đây là địa vị gì? Diệu giác vị, cao hơn Đẳng giác. Trở về thường tịch quang, công đức chúng ta được viên mãn.

Bên dưới có một vấn đề, đưa ra câu hỏi này rất hay: “Hỏi, nữ nhân vân vân cũng nên hóa độ, sao chỉ dùng tiêu chuẩn Trượng Phu?” Vì trượng phu là nam nhân, Đức Phật quan tâm nam nhân như vậy, đều muốn độ họ, còn nữ nhân thì sao? Bên dưới đã nói rõ ra, trượng phu bao gồm nữ nhân trong đó, cần phải hiểu điều này. Trong Đại Trí Độ Luận nói: “Đại Trí Độ Luận đáp rằng: Nếu nói trượng phu, hai căn”, hai căn nghĩa là nam nữ, đầy đủ cả nam căn và nữ căn. “Vô căn”, yếu sinh lý là thiên nhiên, tự nhiên, hiện nay chúng ta nói là khiếm khuyết bẩm sinh. “Cập nữ”, nữ chúng đều hàm nhiếp trong đó, “nên gọi là Trượng Phu”. Trượng Phu trong kinh Phật nói là bao gồm cả nữ chúng, đến vô căn đều bao hàm trong đó, như vậy mới viên mãn. “Gọi là Trượng phu, tức đại khai nhiếp cả phụ nữ, vô căn và nhị căn vân vân”. Câu này là chú giải của Hoàng Niệm Lão. Đây là ý nghĩa trong Đại Trí Độ Luận, chúng ta sẽ không hiểu lầm. Trong Phật pháp rất bình đẳng, Phật pháp tuyệt đối không có trọng nam khinh nữ. Chúng ta thấy nữ giới, trong Giới Kinh hình như không bình đẳng. Sắp xếp trong Giới Kinh, chúng ta là phạm phu, nam giới nhất định ở trước, nữ giới đứng sau nam giới. Giới Tỳ kheo có 250 điều, giới Tỳ kheo ni có hơn 300 điều, vì sao nhiều hơn nhiều như vậy? Đây là tùy việc mà xét. Nguyên nhân là gì? Thông thường nữ giới tình chấp sâu nặng hơn, nên khi Đức Phật dạy nữ giới cũng nghiêm khắc hơn. Đây là phương diện sự tướng, còn về lý không có gì sai biệt. Về mặt sự tướng cũng không phải tuyệt đối, cũng có nữ giới đặc biệt, kiệt xuất, trí tuệ đức năng đều hơn nam giới, chúng ta thấy trong Kinh Pháp Hoa, Long Nữ tám tuổi thành Phật. Không những là nữ giới, mà giống cái trong đường súc sanh, có một số người đều không sánh được, cũng có trường hợp rất kiệt xuất. Nhất định phải hiểu những đạo lý này. Phật pháp là pháp bình đẳng không có đối lập, không có đối lập mới thật bình đẳng.

Quý vị xem từ sơ tín trong thập tín, không còn ý niệm đối lập này. Như vậy chúng ta biết được, Đức Phật giáo hóa chúng sanh là dùng pháp phương tiện, phương tiện thiện xảo. Giúp chúng ta đoạn trừ những tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, tập khí phiền não, phải dùng những phương pháp này. Tập khí phiền não không còn, pháp này không dùng đến. Không dùng đến nhưng Phật pháp vẫn coi trọng như thế, không dùng đến vẫn coi trọng như vậy, đây là vì sao? Là biểu pháp, để cho hàng sơ học nhìn thấy. Nếu chúng ta phớt bỏ hết những điều này, người sơ học nói, chúng ta cần gì phải học nó? Dụng ý

chính là như vậy. Phải thường nghĩ đến có nhiều kẻ sơ học, phải làm gương cho họ học tập, thể hiện ra cho họ thấy. Làm như vậy, bản thân có điều gì bất biến chẳng? Không có, vì sao vậy? Bản thân hoàn toàn là không, làm gì có bất biến? Bởi vì làm mà không làm, không làm mà làm. Là tự nhiên, trở thành tự nhiên, không có dấu vết tạo tác, không thể tìm thấy. Đây là đức năng của Bồ Tát!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới. “Thứ chín, Thiên Nhơn Sư. Tịnh Ảnh Sớ nói: Có thể dùng chánh pháp tiếp cận giáo huấn trời người, gọi là Thiên Nhơn Sư. Hội Sớ nói: Tất cả cõi trời nhân gian, ma vương ngoại đạo, thích phạm thiên long, thầy đều quy mạng, y giáo phụng hành, đều làm đệ tử, nên hiệu là Thiên Nhơn Sư”. Đức hiệu này, phạm vi của nó nhỏ hẹp hơn, chỉ giới hạn trời người trong lục đạo. Vì trong tất cả chúng sanh, đặc biệt là cõi người. Quý vị xem Bồ Tát thị hiện thành Phật đều ở cõi người, không có thị hiện ở cõi trời. Biểu pháp này có ý nghĩa rất sâu sắc.

Phật giáo thường nói: “Giàu sang học đạo khó”, quý vị xem người giàu có trong thế gian, nếu bảo họ đến học Phật. Quý vị bảo họ đốt hương trên đầu họ làm được, họ đồng ý làm điều này, nhưng bảo họ đến nghe giảng kinh hai tiếng đồng hồ họ lại vô cùng khó khăn, họ ngồi không yên. Vì sao vậy? Vì họ đã quen hưởng lạc, đời này họ vui nhiều khổ ít. Nếu bảo họ phải xa rời nó để cầu sanh thế giới Cực Lạc, tôi ở đây đâu thua gì thế giới Cực Lạc, họ không sanh khởi được ý niệm này. Vì thế giàu có học đạo khó, trong tám nạn, giàu có là một trong tám nạn đó, đối với họ học đạo rất khó khăn.

Bản cùng học đạo khó, người nghèo khổ ngày ăn không đủ ba bữa, ta bảo họ đến nghe kinh, họ đâu có tâm trạng này? Họ bận lo mưu sinh cho cuộc sống. Nên người học Phật thích hợp nhất là thuộc gia đình trung lưu, không giàu lắm cũng không nghèo quá. Những người này rất thích hợp, họ như thế nào? Họ biết khổ, họ biết rất rõ về khổ vui, rất thấu triệt. Đức Phật dạy lìa khổ được vui, rất có thể đánh trúng tâm lý của họ, nên họ đến học Phật.

Tình hình trong lục đạo cũng như vậy. Cõi trời phước báo lớn, nên thiên nhân học đạo cũng khó, đúng vậy, không dễ. Đặc biệt là nói về Tịnh độ, rất khó tiếp thu. Ba đường ác khổ, Phật độ ba đường ác không dễ. Đức Phật nói rất rõ ràng, độ chúng sanh trong ba đường ác, là những chúng sanh nào? Ở nhân gian học Phật, học rất có căn bản, nhưng không y giáo phụng hành, nên đọa vào ba đường ác. Vì vậy trong A lại da của họ có hạt giống Phật pháp. Hay nói cách khác, họ có thiện căn, có nền tảng này, như vậy Phật mới độ họ được dễ dàng. Nếu không có nền tảng sâu dày, không cách nào độ thoát được người trong ba đường ác, như vậy thì sao? Chỉ để họ thọ báo. Trên thực tế ba đường ác như giam ngục vậy, quý vị phạm tội đã phán quyết, cần nhốt bao nhiêu năm, hết thời kỳ tù tội mới được ra. Ba đường ác cũng như vậy, quý vị tạo ra tội nghiệp thì phải thọ khổ báo này. Thọ báo xong, nó có kỳ hạn, có thời hạn, sau khi thọ báo xong lại trở về nhân gian. Có những người thiện căn sâu dày, khi đến cõi người được nghe

Phật pháp, từng bước từng bước nâng cao lên, nhưng thiện căn phải sâu dày. Thiện căn sâu dày vì sao đọa vào ba đường ác? Cũng chính là nội tâm không định lại được tập khí phiền não, nên bị ngoại cảnh mê hoặc. Đặc biệt là xã hội hiện nay, rất dễ phá giới, rất dễ phạm tội, mở Giới Kinh ra xem đều là đọa vào ba đường ác, vì vậy mà đọa. Nhưng khi ở thế gian, họ có thời thời gian dài tu học Phật pháp, nên tảng này rất dày. Phật Bồ Tát ở trong đường ngạ quỷ, trong đường địa ngục, đường súc sanh đều độ được họ. Vì thế nên nói chúng sanh trong ác đạo được độ, khi ở cõi người họ đều có nền tảng tu học rất tốt, không uổng phí thời gian học Phật ở nhân gian. Đôi lúc làm sai bị đọa vào ba đường ác, Bồ Tát vẫn quan tâm họ, “đệ tử Phật môn không bỏ một ai”, từ bi vô tận! Vì thế đức Phật được gọi là Thiên Nhơn Sư. Trong Tịnh Ảnh Sớ nói, có thể dùng chánh pháp thân cận giáo huấn trời người. Cận là cứu cánh, đến giáo huấn thiên nhân, gọi là Thiên Nhơn Sư, danh hiệu này xuất phát từ đây.

Trong Hội Sớ nói rất rõ ràng, tường tận. Tất cả cõi trời hay nhân gian. Đức Phật ở cõi trời hóa độ chúng sanh, chỉ nói đến Trời sắc giới, không có Trời vô sắc. Trời vô sắc giới gọi là Trường thọ thiên, một trong tám nạn. Trong tám nạn này, Phật không thể độ được họ, họ không tiếp thu. Trời tứ không, trong này không có thiên tai, vì sao vậy? Vì họ không có thân thể, cũng không có phòng nhà cư trú. Chúng ta dùng cách nói thông thường của người thế gian, đây là linh giới, nghĩa là giới của linh hồn, họ cũng có bốn tầng cao thấp khác nhau, là linh giới. Hoàn toàn là tu định công, không cần thân thể, không cần sắc thân này. Nghĩa là hoàn toàn không cần đến thân thể vật chất này, không có bất kỳ phiền toái nào, thọ mạng của họ rất dài. Đức Phật có thể giáo hóa tứ thiên trở xuống, tứ thiên 18 tầng trời, thêm 6 tầng trời của dục giới, 24 tầng. Trong này có Phật, Bồ Tát. Bồ Tát có thể thị hiện thân Bồ Tát, thị hiện thân chư thiên để giáo hóa thiên nhân. Cần lấy thân gì để độ thoát, Phật liền thị hiện thân đó, ngài không hề khởi tâm động niệm. Hiện như thế nào? Tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng. Chúng sanh thích thân gì, muốn ai đến độ họ, ngài liền hiện thân như vậy để độ họ, cảm ứng đạo giao.

Ngày nay chúng ta khởi tâm động niệm nghĩ đến Phật Bồ Tát, các ngài có đến chăng? Đến. Ở đâu? Khi ta nghĩ đến các ngài, các ngài ở ngay trước mắt, vì sao không nhìn thấy được? Vì tập khí phiền não của chúng ta quá sâu nặng, đã ngăn che không cho chúng ta thấy, không phải họ không đến. Họ đến, nhưng ta không nhìn thấy. Họ thấy chúng ta, chúng ta không thấy họ. Nguyện cầu của chúng ta hy vọng Phật Bồ Tát gia hộ, họ thật sự gia trì. Nhưng nếu chúng ta tạo ra ác nghiệp, họ cũng đành chịu, vì sao vậy? Không giúp được. Đến khi nào mới giúp được? Khi nghiệp chướng tiêu trừ, cảm ứng của sự nguyện cầu của chúng ta liền hiện tiền.

Điều này trước đây đại sư Chương Gia nói với tôi, đại sư nói: Đệ tử Phật môn, có cầu tất ứng, nói đến điều này. Thật như vậy, tuyệt đối không phải giả. Chúng ta muốn cầu rất nhiều, nhưng đều không có cảm ứng, không cầu được. Đại sư nói, không phải cầu không được, là do ta có nghiệp chướng, sám trừ nghiệp chướng, tất cả những mong

cầu của ta đều xuất hiện. Trong Phật pháp gọi là thời tiết nhân duyên, thời tiết nhân duyên này là tự mình quyết định, tự mình tạo nên, vấn đề không ở bên ngoài. Đúng vậy, ứng với câu nói của cổ nhân: “Hành hữu bất đắc phản cầu chư kỳ”, toàn là tự làm tự chịu. Nếu chúng ta oan trời trách đất, nói Phật Bồ Tát không linh, tổ tông không gia hộ, đó là tạo nghiệp. Làm gì có chuyện tổ tông không yêu thương đời sau? Không có đạo lý này. Đâu có chuyện Phật Bồ Tát không từ bi? Bản thân tạo ra nghiệp chướng, khiến sức gia trì của người ta không gia trì được, bị nghiệp chướng của chúng ta kháng cự, đạo lý là như vậy. Nên khi cầu không được, chúng ta cần phải phản tỉnh xem, chúng ta cần phải tu sám hối. Sám trừ nghiệp chướng, những sở cầu của mình liền được mãn nguyện, phải thật sự sám trừ. Không phải trước Phật Bồ Tát, quỳ xuống cúi đầu đốt hương cầu nguyện, sám trừ như vậy không hiệu quả. Phải sám trừ từ đâu? Sám hối từ trên tâm địa của chính mình. Sám bằng cách nào? Đại sư Chương Gia dạy: “Về sau không tạo nữa”, đó gọi là chơn sám hối. Đã sám hối xong, ngày mai bệnh cũ lại tái phát, như vậy không được, nó sẽ không mang lại sự cảm ứng. Phải giác ngộ, thật sự quay đầu, vấn đề mới giải quyết triệt để.

Chúng ta thử nghĩ xem, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, rất nhiều điều trái với tánh đức! Chúng ta suy nghĩ tưởng tượng, dùng tiêu chuẩn của truyền thống xưa, hiểu đã làm được chăng? Hình như là làm được, thật ra còn kém xa tiêu chuẩn này. So với thánh nhân như Nghiêu Thuấn Vũ Thang, hiểu để của chúng ta sánh được với họ chăng? Trung tín của chúng ta so với họ, nhân ái của chúng ta so với họ. So sánh nó không giống, thua kém quá xa, như vậy mới biết tại sao bản thân không có cảm ứng.

Dùng Phật pháp, tiêu chuẩn của Phật pháp là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chúng ta luôn cho rằng mình thực hành rất tốt Thập Thiện Nghiệp Đạo, không sát sanh chúng ta làm được, không sát sanh lên cao thêm một bậc nữa là gì? Là yêu thương chúng sanh, điều này chúng ta chưa làm được. Đây là bao gồm không sát sanh, trong điều giới luật này. Yêu thương chúng sanh, quan tâm chúng sanh, thành tựu tất cả chúng sanh, hoàn toàn ở trong giới cấm này. Nên triển khai giới cấm này là tám vạn tế hạnh, xem bên ngoài thì tương đối, nhưng nhìn vào trong tế hạnh, chúng ta biết là thua xa, sao có thể sánh với Bồ Tát! Không những không sánh bằng Bồ Tát, mà không sánh được với A la hán, không sánh bằng thiên nhân, không sánh bằng thánh hiền của thế gian, vậy thì còn gì để nói nữa!

Vì thế chúng ta không có cách nào, bản thân chưa làm tốt, làm sao có thể dạy người khác? Dạy người khác họ cũng không nghe, không có cách nào khác. Hai chữ điều ngự là tiêu chuẩn của dạy học, phải khiến cho người thọ giáo tâm phục khẩu phục, khâm phục tuyệt đối.

Nghĩ lại chúng ta, tâm thái lúc chúng ta thân cận thiện tri thức, xem lại bây giờ chúng ta dạy người khác, người ta có tâm thái này chăng? Không tìm thấy, vậy phải làm sao? Bản thân phải đề cao cảnh giác, phải không ngừng nâng cao chính mình. Bản thân nâng cao đến trình độ nhất định, có học sinh nào đến chăng? Có, người hiếu học, người có thiện căn, tự nhiên họ gặp được. Không có niềm tin này, không có nguyện này, Phật Bồ Tát ở ngay trước mắt cũng vô dụng, bỏ lỡ qua ngay trước mắt.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta thấy, đương thời ở đại thành Xá Vệ, đại thành Xá Vệ có mười vạn cư dân, lúc đó mười vạn dân là đô thị lớn. Đức Phật ở đó giảng kinh thuyết pháp thời gian rất dài. Chúng ta biết cuộc sống của ngài là ngày ngày ra đi khát thực, nên đường lớn ngõ nhỏ ở đó ngài đều đi qua. Người biết được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, biết ngài, quen ngài, từng thấy ngài chỉ có 1/3 số người. Biết được có Đức Phật, nghe tên ngài nhưng chưa từng thấy, chưa từng gặp Phật cũng có 1/3 số người. Còn 1/3 căn bản không hề hay biết, đến tên ngài cũng không hề nghe đến. Ở trong cùng một khu vực, nhân duyên lại không giống nhau.

Bởi vậy nỗ lực nâng cao cảnh giới của chính mình, quan trọng hơn bất kỳ điều gì. Rộng kết pháp duyên với tất cả chúng sanh, điều này quan trọng. Hiện tại có người đến học hay không không quan trọng, có người được độ không cũng không quan trọng, nâng cao cảnh giới chính mình mới quan trọng. Vì sao vậy? Vì bản thân thành tựu, ta có thể quán cơ, quán cơ là gì? Có túc mạng thông, có tha tâm thông. Người này đời đời kiếp kiếp ở trong đường nào, trong đời quá khứ làm những hạnh nghiệp gì, có từng học Phật chăng, học những pháp môn nào, ta đều rõ như trong lòng bàn tay. Sau khi gặp rồi, giảng kinh dạy học sẽ khế cơ. Khế cơ họ sẽ hoan hỷ, dễ dàng tiếp thu.

Từ đó cho thấy, chúng ta tự học với hóa tha, tự học là chủ yếu, hóa tha là thứ yếu. Thực tế mà nói hóa tha nghĩa là kết pháp duyên, kết pháp duyên phải có trí tuệ, phải có từ bi. Chúng sanh có lỗi lầm, đừng để nó trong lòng, vì sao vậy? Vì đó là lẽ đương nhiên, không có gì kỳ lạ. Để trong lòng chúng ta sẽ bị đọa lạc, như vậy là sai, vì sao vậy? Vì họ làm ô nhiễm tâm thanh tịnh của chúng ta. Căn bản không để trong lòng, tự nhiên miệng cũng không hề nhắc đến. Miệng phê bình sẽ tạo ra khẩu nghiệp, tạo ra ác nghiệp. Để trong tâm là ý nghiệp, như vậy là sai. Nhất định phải giống như đức Phật xem chúng sanh vậy, Đức Phật xem chúng sanh như thế nào? Tất cả chúng sanh vốn là Phật. Tạo tội nghiệp của địa ngục A tỳ, xem ra quý vị cũng rất dễ thương. Có thể thấy họ nhất thời hồ đồ, nên đọa vào địa ngục A tỳ, đi một vòng lại trở về. Phải dùng tâm này để nhìn chúng sanh, không được có tâm oán hận, tất cả đều là biểu pháp. Họ ở trước mắt chúng ta là biểu pháp cho chúng ta thấy, chúng ta ở đây tiếp thu giáo dục. Quý vị xem, họ thể hiện cho chúng ta thấy, họ tạo ra nghiệp ác gì sẽ bị đọa vào địa ngục để thọ báo. Đây không phải là để cho chúng ta thấy sao? Đây là nói với chúng ta rằng, tuyệt đối đừng có ý niệm này, đừng có hành vi này. Họ không phải là thầy chúng ta sao? Cảm ân còn không kịp, sao có thể báo oán! Bởi vậy nhất định phải học, thế gian này tất cả

mọi người đều là người tốt, trong mắt chúng ta mọi việc đều là việc tốt. Bất luận là chính diện hay phản diện, thiện hay ác, thuận cảnh hay nghịch cảnh, đều là việc tốt.

Đạo lý này, tu hành như vậy, chính là 53 lần tham học của Thiện Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm, nên ngài viên thành Phật quả trong một đời. Trong cảnh giới tu được thanh tịnh bình đẳng giác, điều này quan trọng. Cảnh giới hiện tiền thường khởi tâm động niệm, cái này tốt, cái kia xấu, không dễ đột phá cửa ải này. Đây là gì? Là phân biệt chấp trước. Phật pháp dạy chúng ta phá trừ phân biệt chấp trước, chúng ta vẫn ở trong cảnh giới này phân biệt chấp trước, biết bao giờ mới ra khỏi được!

Khi học Hoàn Nguyên Quán, học được một bản lĩnh, quy tất cả pháp về với con số không, hoàn nguyên. Trở về số không là trở về tự tánh, không còn nữa. Biết tất cả pháp, bất luận là tinh thần hay vật chất, vật chất dù nhỏ_hiện nay nói là một lượng tử, đều đầy đủ viên mãn thể của ngũ ấm, sắc thọ tưởng hành thức, có tồn tại chăng? Không tồn tại, sát na, một sát na là không còn. Quả thật giống như điện chớp vậy, còn nhanh hơn cả điện chớp, nó không tồn tại. Thiện cũng không tồn tại, ác cũng không tồn tại, không có một pháp nào tồn tại thật sự, vô thường. Tâm chúng ta thanh tịnh, không còn phân biệt, không còn chấp trước, điều này giúp ích rất lớn cho việc tu hành của chúng ta. Đây gọi là nhìn thấu, hiểu rõ chân tướng của tất cả pháp, chân tướng không tồn tại.

Các nhà khoa học khẳng định vật chất không tồn tại, vật chất là hiện tượng tinh thần biến hiện ra. Họ cho rằng tinh thần tồn tại, năng lượng tồn tại, nhưng đều không tồn tại. Năng lượng là nghiệp tướng của A lại da, tinh thần là chuyển tướng của A lại da, tất cả đều là giả. Tự tánh mới tồn tại thật sự, tồn tại vĩnh hằng, lục căn không tiếp xúc được, nhưng nó tồn tại mọi lúc mọi nơi. Nên tất cả chúng ta đều phải dựa vào tự tánh, phải tương ưng với tánh đức, như vậy mới đúng.

Ở đây không những là cõi trời cõi người, còn có ma vương ngoại đạo, thích phạm. Thích là Thích đế hoàn nơn, người Trung quốc gọi là Ngọc hoàng đại đế, ông tượng trưng cho Trời dục giới. Phạm tượng trưng cho Trời tứ thiên. Bên dưới là thiên long, thần thiên long bát bộ hộ pháp. “Hết thầy đều quy mạng, y giáo phụng hành, đều làm đệ tử, nên hiệu là Thiên Nơn Sư”. Đức Phật vĩnh viễn ở địa vị thầy giáo xuất hiện ở thế gian.

“Hợp Tán lại nói: Tuy chư Phật vì tất cả chúng sanh mà làm vô thượng đại sư. Trong các chúng sanh, chỉ người và trời có thể phát tâm vô thượng đại bồ đề, nên danh hiệu Phật là Thiên Nơn Sư”. Đây lại thêm một ý. Vì chỉ có trong cõi người, có thể thành Bồ Tát, có thể thành Phật, để được độ. Pháp môn phương tiện nhất là pháp môn Tịnh độ, gặp được pháp môn Tịnh độ, hiểu rõ ràng, nhất tâm niệm Phật, không có ai không được độ, vãng sanh lập tức thành Phật, không thể nghĩ bàn!

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 161